

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-PT

Ngày 01/4/2019

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “Xin ly hôn”

Do Bản án sơ thẩm số 76/2018/HNGĐ-ST, ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2019/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: 150C Tổ 6, khu phố 3, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị H - Văn phòng luật sư BT, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hoàng Mộng T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: 57A Tổ 2B, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Thanh T

(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày:

Anh và chị T1 quen biết nhau và cưới nhau vào năm 2010, sau đó đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Do đó, anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Hoàng Mộng T1, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 2 con chung là Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/02/2012 và Trần Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/6/2015. Hiện 2 con đang sống chung với chị T1. Sau khi ly hôn, anh Trần Thanh T yêu cầu được nuôi 2 con và không yêu cầu chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian đăng ký kết hôn cũng như điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất hòa, không cùng quan điểm trong cuộc sống. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Trần Thanh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T là có 2 con chung là Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/02/2012 và Trần Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/6/2015. Hiện 2 con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 2 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án sơ thẩm số 76/2018/HNGĐ-ST, ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hoàng Mộng T1. Ghi nhận anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 được trực tiếp nuôi 2 con chung là Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/02/2012 và Trần Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/6/2015. Ghi nhận chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng anh Trần Thanh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018989 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2018, nguyên đơn anh Trần Thanh T kháng cáo một phần nội dung Bản án sơ thẩm số 76/2018/HNGĐ-ST, ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo đơn kháng cáo, nguyên đơn anh Trần Thanh T cho rằng: Vì điều kiện của chị T1 khó khăn, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho chị T1 được quyền nuôi cả hai con chung sẽ gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy cũng như điều kiện phát triển của các con sau này. Do đó, anh Trần Thanh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi một con chung là Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/02/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng anh T có đủ điều kiện nuôi con như đưa rước đi học và kinh tế hơn chị T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T.

Bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác kháng cáo của anh Trần Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Thanh T và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cũng như của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Anh Trần Thanh T kháng cáo cho rằng: Vì điều kiện của chị T1 khó khăn, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho chị T1 được quyền nuôi cả hai con chung sẽ gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy cũng như điều kiện phát triển của các con sau này. Do đó, anh Trần Thanh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi một con chung là Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/02/2012.

[2] Xét thấy cả anh T và chị T1 đều cung cấp cho Tòa án về mức thu nhập hàng tháng của mỗi bên thể hiện cả hai đều có điều kiện kinh tế để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, hiện tại 2 con đều đang sống chung với chị T1 và chính anh T cũng thừa nhận rằng từ khi chị T1 dẫn các con về thị trấn C sinh sống thì chị T1 nuôi dưỡng con rất tốt, chăm lo cho các con ăn học đầy đủ. Mặt khác, 2 con chung đều là con gái và từ nhỏ đã sống chung với chị T1 nên việc

giao con cho chị T1 sẽ bảo đảm được sự phát triển đầy đủ và bình thường về mọi mặt của trẻ và cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bản án sơ thẩm quyết định giao 2 con chung cho chị T1 chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Trần Thanh T kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn anh Trần Thanh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Trần Thanh T

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 76/2018/HNGĐ-ST, ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hoàng Mộng T1. Ghi nhận anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 được trực tiếp nuôi 2 con chung là Trần Nguyễn Thúy A, sinh ngày 11/02/2012 và Trần Nguyễn Kim C, sinh ngày 24/6/2015. Ghi nhận chị Nguyễn Hoàng Mộng T1 không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng anh Trần Thanh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018989 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020489 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thế Xương